

Số: 315/QĐ-UBND

Nghinh Tường, ngày 13 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai phê duyệt Dự án chăn nuôi trâu cái sinh sản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã Nghinh Tường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGHINH TƯỜNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ, quy định về cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định 38/NĐ-CP ngày 24/06/2023 Chính phủ Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/04/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND xã Nghinh Tường phê duyệt Dự án Chăn nuôi trâu cái sinh sản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai;

Xét đề nghị của Ban quản lý xã Nghinh Tường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai phê duyệt Dự án chăn nuôi trâu cái sinh sản thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai. (Có quyết định phê duyệt dự án kèm theo)

Điều 2. Giao cho Công chức Văn phòng - Thống kê UBND, Ban quản lý xã thực hiện công khai theo quy định.

Điều 3. Văn phòng HĐND-UBND, Ban quản lý các chương trình mục tiêu gia đoạn 2021-2025, các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng uỷ- HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Các trưởng xóm ;
- Lưu: VP.



Nông Đình Tuất

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHINH TƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 308/QĐ-UBND

Nghinh Tường, ngày 06 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án Chăn nuôi trâu cái sinh sản tại xã Nghinh Tường thuộc dự án 3 tiểu dự án 2 chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGHINH TƯỜNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 04 năm 2022 của chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 về việc Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Nghị Quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình Mục tiêu Quốc gia.

Căn cứ Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 về việc ban hành Quy định nội dung hồ sơ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hồ sơ mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 27/11/2022 về việc ban hành Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành theo Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 27/11/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông trung ương.

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND huyện Võ Nhai về việc phân bổ vốn sự nghiệp Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Võ Nhai năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 4608/TB-TTĐ ngày 29/11/2024 của Tổ thẩm định dự án, hỗ trợ sản xuất cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND huyện Võ Nhai về việc ủy quyền phê duyệt Dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 trên địa bàn xã Nghinh Tường. Nội dung: Chăn nuôi trâu cái sinh sản.

Xét đề nghị của Công chức Văn hóa xã hội xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án sản xuất cộng đồng thực hiện dự án: Chăn nuôi trâu cái sinh sản tại xã Nghinh Tường thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 trên địa bàn xã Nghinh Tường như sau:

1. Tên dự án: Chăn nuôi trâu cái sinh sản tại xã Nghinh Tường thuộc dự án 3 tiểu dự án 2 chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024

2. Thời gian triển khai dự án: Năm 2024 đến tháng 6/2027

3. Địa bàn thực hiện dự án: Dự án thực hiện tại 5 xóm Thượng Lương, Na Hấu, Bản Nhàu; Nà Giàm; Bản Nưa.

4. Đối tượng tham gia dự án: Tổ sản xuất cộng đồng gồm có 30 hộ trong đó: 12 hộ thuộc hộ nghèo, 16 hộ cận nghèo được trực tiếp thụ hưởng dự án còn 1 thành viên là hộ làm kinh tế giỏi, 1 trưởng xóm làm tổ trưởng (không được hưởng lợi từ dự án).

STT	Họ và tên	Địa Chỉ (xóm)	Năm sinh	Loại hộ	Dân Tộc	Số khẩu	Ghi chú
1	Nông Thị Hồng Gấm	Xóm Bản Nưa	1982	Trưởng xóm	Tày	5	Tổ trưởng
2	Triệu Văn Hòa	Na Hấu	1988	Thành viên làm KT giỏi	Dao	2	Thành viên làm KT giỏi
3	Hoàng Văn Định	Thượng Lương	1985	Nghèo	Dao	6	Thành viên
4	Hoàng Kim Học	Thượng Lương	1985	C. Nghèo	Dao	4	Thành viên
5	Triệu Phúc Tài	Thượng Lương	1974	C. Nghèo	Dao	6	Thành viên
6	Triệu Tiến Quý	Thượng Lương	1957	C. Nghèo	Dao	4	Thành viên
7	Triệu Phúc Sơn	Thượng Lương	1963	C. Nghèo	Dao	4	Thành viên
8	Triệu Văn Vượng	Thượng Lương	1970	C. Nghèo	Dao	4	Thành viên
9	Triệu Văn Liêu	Na Hấu	1982	C. Nghèo	Dao	4	Thành viên
10	Triệu Tiến Hìn	Na Hấu	1985	Nghèo	Dao	5	Thành viên
11	Đặng Đức Phong	Na Hấu	1979	Nghèo	Dao	3	Thành viên
12	Dương Văn Hiền	Na Hấu	1981	C. Nghèo	Dao	3	Thành viên
13	Nông Văn Tọng	Bản Nhàu	1964	C. Nghèo	Tày	3	Thành viên
14	Triệu Hồng Linh	Bản Nhàu	1982	Nghèo	Dao	2	Thành viên
15	Nông Văn Duyên	Bản Nhàu	1978	C. Nghèo	Tày	6	Thành viên

16	Nguyễn Văn Nhậm	Bản Nhàu	1956	Nghèo	Tày	5	Thành viên
17	Hoàng Thị Ngọc Thiệp	Nà Giâm	1987	C. Nghèo	Tày	3	Thành viên
18	Dương Quốc Thành	Nà Giâm	1979	C. Nghèo	Dao	4	Thành viên
19	Bản Văn Phương	Nà Giâm	1990	C. Nghèo	Dao	3	Thành viên
20	Phan Hữu Thuận	Nà Giâm	1982	Nghèo	Dao	5	Thành viên
21	Bản Đức Huỳnh	Nà Giâm	1976	Nghèo	Dao	4	Thành viên
22	Trịnh Thị Hằng	Nà Giâm	1962	Nghèo	Tày	5	Thành viên
23	Nguyễn Văn Hoa	Nà Giâm	1966	Nghèo	Tày	2	Thành viên
24	Triệu Tiến Tài	Nà Giâm	1976	C. nghèo	Dao	3	Thành viên
25	Hà Hữu Phước	Bản Nưa	1989	C. nghèo	Tày	4	Thành viên
26	Ma Thanh Tuyết	Bản Nưa	1985	Nghèo	Tày	3	Thành viên
27	Ma Đình Thánh	Bản Nưa	1981	C. nghèo	Tày	6	Thành viên
28	Ma Văn Tạo	Bản Nưa	1989	Nghèo	Tày	4	Thành viên
29	Ma Xuân Bạch	Bản Nưa	1984	C. nghèo	Tày	4	Thành viên
30	Ma Công Khanh	Bản Nưa	1981	Nghèo	Tày	4	Thành viên

5. Các hoạt động của dự án

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
1	UBND huyện ban hành quyết định phân bổ vốn năm 2024	Tháng 5/2024
2	UBND xã triển khai quyết định phân bổ vốn đến các đối tượng trên địa bàn xã	Tháng 6/2024
3	Họp lựa chọn nội dung thực hiện dự án, UBND xã trình HĐND xã thông qua kế hoạch thực hiện dự án.	Tháng 7/2024
4	Thành lập Tổ sản xuất cộng đồng	Tháng 9/2024
5	Xây dựng hồ sơ Dự án sản xuất	Tháng 10/2024
6	Trình huyện thẩm định dự án, kiểm tra cơ sở vật chất, chuồng trại tại hộ gia đình	Tháng 11/2024
7	Tổ chức tập huấn kỹ thuật cho các hộ, chuyển giao con giống cho TSXCĐ	Tháng 12/2024
8	Kiểm tra nghiệm thu, thanh toán	Tháng 12/2024
9	Thực hiện chăm sóc nuôi dưỡng, phòng chống dịch bệnh cho trâu theo hướng dẫn.	Từ tháng 12/2024 – tháng 6/2027

10	Thu hồi vốn quay vòng theo quy định	Tháng 6-8/2027
----	-------------------------------------	----------------

6. Phương thức, hình thức hỗ trợ: Thực hiện Nghị quyết 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, UBND xã thực hiện giao chủ dự án (tổ sản xuất cộng đồng) tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện dự án phát triển sản xuất;

7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án: 1.279.395.000 đồng.

Bằng chữ: *Một tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng.*

(Có biểu dự toán kinh phí thực hiện dự án kèm theo)

Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 847.075.000 đồng.

Hỗ 100% chi phí mua con giống: 823.200.000 đồng.

Hỗ trợ 100% chi phí tập huấn kỹ thuật: 3.355.000 đồng.

Chi phí Thẩm định giá: 8.640.000 đồng.

Hỗ trợ tổ SXCD đi thăm quan thực tế: 7.680.000 đồng.

Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương: 3.000.000 đồng.

Hỗ trợ nước uống cho đại biểu: 1.200.000 đồng.

8. Nguồn kinh phí thực hiện: Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND huyện Võ Nhai về việc phân bổ vốn sự nghiệp Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Võ Nhai năm 2024;

8.1. Kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ: 847.075.000 đồng.

8.2. Kinh phí đối ứng của các thành viên Tổ sản xuất cộng đồng chăn nuôi trâu sinh sản: 432.320.000 đồng (*Các thành viên Tổ sản xuất cộng đồng tự thực hiện phần kinh phí này*)

- Chi công chăn nuôi và chăm sóc trâu sinh sản (Bao gồm công chăn dắt, cắt cỏ.....) 1giờ/ngày x 900 ngày x 28con x 16.600đ/giờ = 418.320.000 đồng

- Tinh giống 1 năm trên/ lần x 28 con = 56 lần x 175.000 đồng = 9.800.000 đồng.

- Đá liếm 3kg/con x 28 con = 84kg x 50.000đ/kg = 4.200.000 đồng.

9. Hình thức, tỷ lệ quay vòng

- Hình thức quay vòng: Bằng tiền mặt (*Theo QĐ 25/2022/QĐ-UBND, ngày 27/11/2022 và QĐ 26/2024/QĐ-UBND, ngày 16/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên*).

- Tỷ lệ quay vòng: Tổ sản xuất cộng đồng tự mua sắm con giống, sau khi dự án kết thúc các thành viên tổ sản xuất cộng đồng có trách nhiệm nộp lại 3% trên tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng tham gia bằng tiền mặt vào tài khoản tiền gửi của UBND xã Nghinh Tường mở tại kho bạc nhà nước để sử

dụng hỗ trợ thực hiện dự án, phương án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) hoặc thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định”.

- Thời gian thu hồi: Tối đa không quá 03 tháng kể từ khi kết thúc dự án.

- Trường hợp trong quá trình triển khai dự án phải tạm dừng, hủy bỏ hoặc triển khai không có hiệu quả do các nguyên nhân khách quan (*như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác*) dẫn đến không có kết quả đầu ra theo kế hoạch, người có thẩm quyền phê duyệt xem xét, quyết định việc thu hẹp phạm vi hoặc tạm dừng dự án và tạm dừng quay vòng, thu hồi kinh phí theo thẩm quyền.

- Gia hạn thời gian thu hồi đối với đối tượng tham gia dự án: Thực hiện theo Khoản 6 Điều 4 Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND, ngày 27/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Biên bản xác nhận mức độ thiệt hại: Thực hiện theo quy định hiện hành.

10. Dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án

10.1. Hiệu quả kinh tế

Sau khi kết thúc dự án dự kiến sẽ có lãi 376.880.000 đồng và cung cấp ra thị trường khoảng 28 con trâu con có chất lượng tốt, tầm vóc và trọng lượng, góp phần cung ứng giống đảm bảo chất lượng cho người chăn nuôi. Nếu duy trì và phát triển nhân rộng đây sẽ là mô hình hiệu quả mang lại kinh tế, tạo công ăn việc làm giúp cho các hộ có nguồn thu nhập ổn định từ chăn nuôi, góp phần phát triển kinh tế của gia đình dân tộc thiểu số nghèo.

Sau khi thực hiện dự án sản xuất cộng đồng với số tiền thu nhập từ giá trị của trâu cái và trâu con, giúp các hộ gia đình đã có thêm khoản thu nhập kinh tế cho gia đình góp phần giảm hộ nghèo khoảng 71%.

10.2. Hiệu quả xã hội

Thực hiện hỗ trợ sản xuất trâu sinh sản của tổ sản xuất cộng đồng tại 5 Thượng Lương, Na Hấu, Bản Nhàu, Nà Giàm, Bản Nưa sẽ giúp cho hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo từng bước tiếp cận với kỹ thuật chăn nuôi tiến bộ mang lại hiệu quả kinh tế cao. Dự án được thực hiện nhằm tạo ra giống vật nuôi chất lượng, có giá trị kinh tế cao, góp phần tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo, tăng thu nhập, nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần thực hiện những mục tiêu kinh tế xã hội và hướng đến hoàn thành những tiêu chí về Nông thôn mới, là cơ sở để chỉ đạo đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, ngoài việc phát triển chăn nuôi còn góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn cho xã hội.

11. Trách nhiệm của các bên tham gia

11.1. Trách nhiệm của UBND xã (Theo nghị định số 38/2023/NĐ-CP, ngày 24/6/2023 của Chính phủ)

- Căn cứ Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động hỗ trợ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao (nếu có).

- Thanh toán, giải ngân vốn cho đại diện tổ nhóm cộng đồng, các bên liên quan theo tiến độ thực hiện tại Hợp đồng ký kết với đại diện tổ nhóm cộng đồng.

- Lập sổ theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có), tổ chức thanh lý, thu hồi tài sản theo quy định (nếu có).

- Giám sát kết quả thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ

11.2. Trách nhiệm của đại diện tổ nhóm cộng đồng và các thành viên (Theo nghị định số 38/2023/NĐ-CP, ngày 24/6/2023 của Chính phủ)

- Thực hiện dự án, phương án sản xuất theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và Hợp đồng ký kết với cơ quan nhà nước.

- Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích, định mức theo Quyết định phê duyệt dự án.

- Lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản sau hỗ trợ, trích khấu hao tài sản cố định, định kỳ báo cáo cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất (nếu có).

- Thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức quay vòng luân chuyển.

Trường hợp dự án kết thúc và đối tượng tham gia dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn để quay vòng, luân chuyển, tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất quyết định thu hồi vốn nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để sử dụng hỗ trợ thực hiện dự án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) hoặc thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. (Theo Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên).

12. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết

- Nếu để xảy ra vi phạm trong các nội dung theo cam kết thì hộ tham gia dự án phải hoàn trả 100% số tiền con giống nhà nước hỗ trợ theo quy định của Nhà nước.

Việc thực hiện Dự án “Chăn nuôi Trâu cái sinh sản” tại xã Nghinh Tường năm 2024 sẽ góp phần nâng cao nhận thức của hộ dân về dự án nuôi nhốt kết hợp chăn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC



PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ CHĂN NUÔI TRÀU SINH SẢN

STT	Các hạng mục chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Trong đó		Ghi chú
						Nhà nước hỗ trợ (đồng)	ND đối ứng (đồng)	
1	Chi phí trực tiếp				1255 520 000	823 200 000	432 320 000	
1.1	Ngân sách nhà nước hỗ trợ				823 200 000	823 200 000		
	Mua giống trâu cái sinh sản (trọng lượng từ 280 -290 kg)	con	28	29 400 000	823 200 000	823 200 000		Nội dung hỗ trợ theo nội dung số 13, phụ lục 2, Quyết định 726/2022/QĐ-BNN-KN; Đơn giá theo chứng thư thẩm định giá
1.2	Nhân dân đối ứng				432 320 000		432 320 000	
	Đá liếm 0,3kg/con x 28 con	kg	84	50 000	4 200 000		4 200 000	Hỗ trợ theo nội dung số 13, phụ lục 2 QĐ 726/QĐ-BNN-KN
	Tinh giống 1 năm/lần x 28 con	lần	56	175 000	9 800 000		9 800 000	
	Công lao động phổ thông chăn nuôi trâu cái sinh sản (1/8 công x 900 ngày) x 28 con	giờ	25 200	16 600	418 320 000		418 320 000	Nội dung hỗ trợ theo nội dung số 12, phụ lục 2, Quyết định 726/2022/QĐ-BNN-KN;
2	Chi phí gián tiếp				23 875 000	23 875 000		
2.1	Tập huấn kỹ thuật	lớp	1		3 355 000	3 355 000		

	Tiền ăn cho nông dân (30 người/lớp x 50.000đ/người/ngày)	người	30	50 000	1 500 000	1 500 000	1 500 000	Điểm c, Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
	Giải khát giữa giờ (30 người/ lớp x 20.000đ/người/buổi)	người	30	20 000	600 000	600 000	600 000	Khoản 3 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
	Tiền giảng viên	Buổi	1	290 000	290 000	290 000	290 000	Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TTBTC
	Phó tô tài liệu, văn phòng phẩm	bộ	30	20 000	600 000	600 000	600 000	Khoản 2 Điều 11 TT 40/2017 /TT-BTC
	Trang trí, khánh tiết	lớp	1	365 000	365 000	365 000	365 000	Khoản 8 Điều 11 TT 40/2017/TT-BTC
2.2	Chi phí Thăm định giá và hỗ trợ đi thăm quan thực tế				20 520 000	20 520 000	20 520 000	
	Chi phí thăm định giá dự toán	gói	1	8 640 000	8 640 000	8 640 000	8 640 000	
	Thuê xe 35 chỗ trừ 30 đại biểu không hưởng	Chuyến	1	7 680 000	7 680 000	7 680 000	7 680 000	
	Hỗ trợ tiền nước uống 30 đại biểu x 40.000đ/ đại biểu	người	30	40 000	1 200 000	1 200 000	1 200 000	
	Hỗ trợ tiền ăn cho 30 đại biểu không hưởng lương	người	30	100 000	3 000 000	3 000 000	3 000 000	
	Tổng cộng				1279 395 000	847 075 000	432 320 000	